

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2019/DS-ST

Ngày: 18/11/2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Lưu Thị Tám.

2/. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2019/TLST-DS ngày 17/9/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2019/QĐXXST-DS ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2019/QĐST-DS ngày 31/10/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ trụ sở: Số 169, Phố LĐ, phường H, quận HM, TP. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng của ngân hàng: Ông L, chức vụ Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K. Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (theo Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS, ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C “V/v Ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án”), có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2/ Chị **Trần Thị Hồng T**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

3/ Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2019 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông L trình bày: Vào ngày 16/9/2009, Ngân hàng C xét duyệt cho hộ ông Trần Ngọc S vay số tiền là 8.000.000 đồng, lãi suất: 0,65%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 16/09/2014, của chương trình cho vay Hộ nghèo, mục đích sử dụng là chăn nuôi heo. Đến ngày 20/12/2011, Ngân hàng tiếp tục xét duyệt cho hộ ông Trần Ngọc S vay 8.000.000 đồng, lãi suất 0,25%/tháng, thời hạn cho vay 120 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 16/12/2021, của chương trình cho vay Hộ nghèo về nhà ở, mục đích sử dụng xây dựng nhà ở. Cùng ngày 20/12/2011, Ngân hàng tiếp tục xét duyệt cho hộ ông Trần Ngọc S vay 40.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn cho vay 108 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 16/12/2020, của chương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, mục đích sử dụng bổ sung chi phí học tập cho sinh viên Trần Thị N. Ngày 16/12/2013 Ngân hàng xét duyệt cho hộ ông Trần Ngọc S vay 22.000.000 đồng, lãi suất 0,65%/tháng, thời hạn cho vay 108 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, hạn trả cuối cùng là ngày 16/12/2022, chương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, mục đích sử dụng bổ sung chi phí học tập cho sinh viên Trần Thị Hồng T.

Như vậy, hộ ông Trần Ngọc S đã vay vốn của 3 chương trình với tổng số tiền là 78.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã trả lãi được 10.615.611 đồng, chưa trả nợ gốc, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Tính đến ngày 11/10/2019 hộ ông S còn nợ vốn gốc là 78.000.000 đồng, tiền lãi là 23.305.138 đồng, tổng cộng là 101.305.138 đồng. Ngân hàng đã phối hợp với chính quyền địa phương vận động gia đình ông S thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không có kết quả.

Nay Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc S, bà Nguyễn Thị Đ, Trần Thị Hồng T và Trần Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho ngân hàng với số tiền là 101.305.138 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng.

- Theo các biên bản lấy lời khai của đương sự và biên bản hòa giải cùng ngày 11/10/2019, vợ chồng ông Trần Ngọc S, bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Ông, bà thừa nhận là có vay của Ngân hàng C với số tiền vốn là 78.000.000 đồng và nợ tiền lãi 23.305.138 đồng, tổng cộng vốn lãi là 101.305.138 đồng. Nay ông, bà đồng ý trả cho Ngân hàng C với số tiền 101.305.138 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng, nhưng do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, ông, bà xin trả hàng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt số nợ nêu trên.

- Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực

hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Bà Nguyễn Thị Đ, chị Trần Thị Hồng T và chị Trần Thị N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn rút một phần nội dung đơn khởi kiện, ngân hàng chỉ khởi kiện vợ chồng ông S, bà Đ, vì ông vợ chồng ông S là người trực tiếp ký hợp đồng vay tài sản, còn hợp đồng không có ràng buộc trách nhiệm của chị T và chị N. Ông S cũng đồng ý theo ý kiến của đại diện nguyên đơn. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn.

[4] Theo lời trình bày giữa các đương sự, Ngân hàng C cho hộ gia đình ông Trần Ngọc S, bà Nguyễn Thị Đ vay vốn 04 lần, vay theo các chương trình chính sách là Hộ nghèo, Hộ nghèo về nhà ở, Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với tổng số vốn là 78.000.000 đồng, sau khi vay xong, bên ông S có trả lãi được 10.615.611 đồng thì ngưng cho đến nay, không thanh toán vốn, tính đến ngày 11/10/2019 bên ông S nợ tiền lãi là 23.305.138 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên ông S không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, không trả tiền gốc theo đợt, không trả tiền lãi đúng thời hạn đã thỏa thuận khi vay vốn, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông S, bà Đ có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc và tiền lãi trước thời hạn trả nợ cuối cùng trong các hợp đồng vay vốn đã xác lập là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc ông Trần Ngọc S, bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ngân hàng với số tiền gốc là 78.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 18/11/2019 là 23.820.481 đồng, tổng cộng là 101.820.481 đồng.

[6] Ông S và bà Đ xin được trả dần số nợ nêu trên, mỗi tháng là 1.000.000 đồng, đại diện nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để

chấp nhận yêu cầu xin trả dài hạn của ông S và bà Đ. Vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định nêu trên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc S cung cấp được giấy chứng nhận hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên ông được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, tại khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

2/. Buộc ông Trần Ngọc S, bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K, tỉnh Sóc Trăng với số tiền vốn 78.000.000 đồng và tiền lãi 23.820.481 đồng, tổng cộng là 101.820.481 đồng (Một trăm lẻ một triệu, tám trăm hai chục ngàn, bốn trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc S, bà Nguyễn Thị Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Viết Tâm